

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9- 2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Mạnh
2. Ông Nguyễn Chí Vương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982(có yêu cầu vắng)

Trú tại: Tổ 5, ấp Xa L, xã Tân Q, huyện Hón Q, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn :* Bà Phạm Thị K, sinh năm 1980 (mất tích)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp Xa L, xã Tân Q, huyện Hón Q, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn H:

Ông H và bà K tự nguyện kết hôn năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Q, huyện Hón Q, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì bà K bỏ đi đến nay không có tin tức gì. Ngày 23/4/2020 Tòa án đã có Quyết định số 03/2020/QĐST-VDS tuyên bố bà K mất tích. Do đó, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà K.

Quá trình chung sống giữa ông H và bà K không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện ông H và bà K sau khi kết hôn chỉ chung sống được ba tháng thì bà K bỏ đi đến nay. Tháng 4 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã tuyên bố bà K mất tích nên ông H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Phạm Thị K có nơi cư trú cuối cùng tại xã Tân Q, huyện Hớn Q, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà K đã mất tích theo Quyết định số 03/2020QĐST-VDS của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà K đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Q, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 12/4/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của ông H về việc ly hôn với bà K. Do bà K đã mất tích theo Quyết định số 03/2020QĐST-VDS ngày 23/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên ông H có quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho ông H ly hôn với bà K.

[4] Về con chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phạm Thị K.
2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0002018 ngày 04/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- CCTHADS huyện Hớn Quản;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thủy